

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT

Ngày 24-7-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời cây trên đất, yêu
cầu hủy một phần Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Chu Long Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lăng Thị Hương- Kiểm sát viên.

Các ngày 16, 23, 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số: 11/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số: 50/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 52/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12a/2020/QĐPT-DS ngày 29-5-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 70/2020/QĐ-PT ngày 26-6-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Th; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lương Xuân H; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2019), có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị Th là ông Lương Văn Ch, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lương Xuân Ha; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện B. Đại diện theo ủy quyền ông Trần Nam S - Trưởng phòng T huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 1260/UB-QĐND ngày 23/10/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn), có mặt

2. Anh Lương Xuân H;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lương Xuân H là ông Lương Văn Ch - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Anh Lương Xuân H, vắng mặt,

4. Chị Lương Thị H, vắng mặt;

5. Chị Dương Thị G, có mặt;

Đều cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

6. Chị Lương Thị T; cư trú tại: Xóm X, Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lương Xuân H, chị Lương Thị H, chị Dương Thị G, chị Lương Thị T: Anh Lương Xuân H; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2019), có mặt.

7. Bà Triệu Thị N, vắng mặt;

8. Anh Lương Văn Th, có mặt;

9. Anh Lương Văn Tha, vắng mặt;

10. Anh Lương Văn Thi, vắng mặt;

11. Chị Lương Văn Th1, vắng mặt;

12. Chị Hoàng Thị H, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: của Lương Văn Th, Lương Thị Th1, Lương Văn Tha, Lương Văn Thi là ông Lương Xuân Ha; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019), có mặt.

Người làm chứng:

Ông Hoàng Công L; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Người kháng cáo*: Ông Lương Xuân Ha là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, các đương sự đều khẳng định diện tích đất tranh chấp đã đo đạc là 4.531,3m² tọa tại địa danh khe Kh, Hang H, Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có ký hiệu hình gồm các điểm ABCDE'T'TGHIKLMNO trong Bản sơ họa thửa đất ngày 25-9-2019, trong đó bao gồm:

- Một phần diện tích thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 02 Bản đồ lâm nghiệp xã H đứng tên của ông Lương Xuân H là 2.474m² (ký hiệu hình là ABCDE'T'TLMNO);

- Một phần diện tích thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 02 Bản đồ lâm nghiệp xã H đứng tên của ông Lương Xuân Ha là 1.784,3 (ký hiệu hình là KLTGHI);

- Một phần thuộc thửa 58 diện tích 460,1m² tờ bản đồ số 02 Bản đồ lâm nghiệp xã H đứng tên của ông Hoàng Công L (ký hiệu hình là E'EFGT).

Trên diện tích đất tranh chấp có: 01 cây trám trắng; 04 cây sâu sâu, 01 cây mạy cang; 688 cây keo mới trồng. Tổng giá trị về đất và cây trồng trên đất là 28.395.500 đồng.

Ngày 24-10-2019, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với diện tích 460.1m² tại thửa đất số 58 của ông Hoàng Công L.

Theo nguyên đơn bà Lương Thị Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lương Xuân H xác định diện tích đất tranh chấp được gia đình bà khai phá từ năm 1990 trồng hoa màu, năm 1995, bà Lương Thị Th được giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sau đây gọi tắt là Sổ Bìa xanh) có lô 405 diện tích 1.5ha.

Năm 1999, gia đình bà thực hiện kê khai cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0385 QSDĐ/LN ngày 01-10-1999 của UBND huyện B, theo đó thì diện tích, số thửa đất vẫn giữ nguyên là thửa 405, diện tích 1.5 ha (đất trồng rừng).

Năm 2008 Nhà nước đo đạc lại bản đồ thì thửa 405 chuyển đổi thành thửa 59, tờ bản đồ số 02 Bản đồ lâm nghiệp xã H có diện tích 8.847m², đứng tên trên bản đồ là anh Lương Xuân H (con trai của bà Lương Thị Th), hiện gia đình bà chưa làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng gia đình quản lý sử dụng cho đến nay.

Tháng 12 năm 2017, gia đình ông Lương Xuân Ha đã phát rừng và trồng keo lên diện tích đất nói trên thì phát sinh tranh chấp. Vì vậy, bà Lương Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Lương Xuân Ha chấm dứt tranh chấp đối với diện tích đất 4.531,3m² thuộc một phần thửa 59 và một phần thửa 84, thuộc tờ bản đồ số 02 Bản đồ lâm nghiệp xã H, công nhận quyền quản lý, sử dụng của bà Lương Thị

Th đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp; quyền sở hữu tài sản trên đất và buộc anh Lương Văn Th di dời toàn bộ cây keo đã trồng trên đất đi nơi khác.

Về phía bị đơn ông Lương Xuân Ha trình bày: Diện tích đất tranh chấp gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ lâu, năm 1995 ông Lương Xuân Ha được giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại lô số 402, có diện tích 3,1 ha. Đến năm 1999 thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0448 QSDĐ/239/QĐUB ngày 01-10-1999 của UBND huyện B và giữ nguyên số thửa 402, diện tích 3.1ha. Năm 2018 ông cho con trai là Lương Văn Th đã trồng cây keo thì phát sinh tranh chấp với gia đình bà Lương Thị Th. Hiện nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Th thì ông không đồng ý, yêu cầu được quản lý toàn bộ đất tranh chấp là 4.531,3m², yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích đất 2.474m² thuộc thửa 59 đã cấp cho bà Lương Thị Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bà Lương Thị Th được quản lý sử dụng diện tích 2.474m² tại Hang H, Khe Kh, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 59 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H. Có các điểm A-B dài 41,59m; B-C dài 36,06m; C-D dài 8,25m; D-E' dài 23,26m; E'-T dài 54,99m; T-L dài 33,15m; L-M dài 29,68m; M-N dài 15,15m; N-O dài 70,24m: Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân Ha được quản lý sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị Th đang sử dụng. Tài sản trên đất: Bà Lương Thị Th được sở hữu 01 cây trám trắng, 03m³ gỗ tạp; 153 cây keo trồng trên diện tích 2.474m² và thanh toán giá trị cây cho anh Lương Văn Th với số tiền là 1.224.000 đồng. (Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo.)

Buộc ông Lương Xuân Ha chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất bà Lương Thị Th được quản lý, sử dụng nêu trên.

2. Ông Lương Xuân Ha được quản lý sử dụng diện tích là 1.784,3, tại Hang H, Khe Kh, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 84 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H, huyện B. Có các điểm I-K dài 23,13m; K-L dài 34,93m; L-T dài 33,15m; T-G dài 7,13m; H-I dài 73,10m; H-G dài 23,13m. Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân Ha đang sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị Th được quản lý sử dụng. Tài sản trên đất: Anh Lương Văn Th không phải di dời 535 cây keo trên thửa 84. (Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo.)

Buộc bà Lương Thị Th chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất của ông Lương Xuân Ha được quản lý, sử dụng nêu trên.

III. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Xuân Ha về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876226 số vào sổ cấp giấy số 0385 QSDĐ/LN, ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Lương Thị Th đối với một phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Lương Xuân Ha có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Xuân Ha về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876226 số vào sổ cấp giấy số 0385 QSDĐ/LN ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Lương Thị Th đối với một phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bị đơn ông Lương Xuân Ha vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo với căn cứ: Diện tích đất tranh chấp gia đình ông đã sử dụng ổn định từ lâu, năm 2018 đã tiến hành trồng keo trên một phần diện tích đất tranh chấp. Mặt khác, năm 1995 gia đình ông đã được cấp Sổ Bìa xanh tại lô 402 diện tích 3.1ha và được cấp đổi GCNQSDĐ vào năm 1999. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lương Xuân Ha, xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền quản lý, sử dụng diện tích đất thuộc thửa 59 tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã H.

Anh Lương Xuân H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Hoàng Công L tham gia phiên tòa và ông trình bày: Năm 1995 gia đình ông được Nhà nước giao đất rừng tại lô 406, có diện tích 1.0ha và năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số lô và diện tích giữ nguyên; năm 2011 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đứng tên hai vợ chồng. Diện tích thửa đất này sát với diện tích đất mà nguyên đơn bà Lương Thị Th và bị đơn ông Lương Xuân Ha đang quản lý sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B triệu tập ông với tư cách là người làm chứng, tuy nhiên do ông không được tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông không biết mốc giới các bên chỉ dẫn tại thực địa nên ông xác định không liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Hiện nay, đã có kết luận giám định tư pháp của Sở T, mặt khác thực tế trong quá trình quản lý, sử dụng thì gia đình ông Lương Xuân H phát rừng cũng đã chặt vào cây thông của gia đình ông và đã được chính quyền xã H lập biên bản. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, bởi ông không được tham gia tại cấp sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp đã được Nhà nước giao đất giao rừng cho bà Lương Thị Th từ năm 1995 tại lô 405, năm 1999 gia đình kê khai cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 405 diện tích 01 ha. Gia đình thường xuyên quản lý sử dụng, không cho người khác chặt phá. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 147; 157; 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 11; 15; 135; 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 3

Điều 105; khoản 5 Điều 169; 189; 170; 175; 179, 203 Luật Đất đai 2013. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn ông Lương Xuân Ha kháng cáo yêu cầu: Công nhận quyền quản lý, sử dụng của ông Lương Xuân Ha đối với diện tích 2.474m² thuộc tờ thửa 59, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02, tại Hang H, khe K, Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Yêu cầu được quyền sở hữu tài sản trên đất là cây trám;

Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876226, số vào sổ cấp giấy số 0385 QSĐĐ/LN, ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Lương Thị Th.

Tại cấp phúc thẩm, sau khi thẩm định lại và chồng ghép bản đồ, giám định bản đồ thấy một phần diện tích đất đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Công L. Tòa án đã đưa ông Hoàng Công L tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, và tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Công L yêu cầu được tham gia tố tụng từ cấp sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông.

Đề vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo nguyên tắc 02 cấp xét xử, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hủy Bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại; ý kiến, yêu cầu của các đương sự sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự bà Lương Thị Th, anh Lương Xuân Hi, chị Lương Thị H, chị Lương Thị T, chị Lương Thị Th1, anh Lương Văn Tha, anh Lương Văn Thi đều vắng mặt nhưng đã có ủy quyền và người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt các đương sự nói trên không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng cáo của ông Lương Xuân Ha. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đưa ông Hoàng Công L tham gia tố tụng là người làm chứng là có cơ sở, bởi vì sau khi có kết quả xem xét thẩm định ngày 25/9/2019, Tòa án đã thông báo cho ông Hoàng Công L kết quả xem xét thẩm định là việc tranh chấp có một phần đất nằm trong thửa đất 58, bản đồ địa chính lập năm 2008, và phần tranh chấp anh Lương Xuân H và Lương Xuân Ha đã rút yêu cầu không tranh chấp phần đất tại thửa đất 58 và ông Hoàng Công L nhất trí tham gia với tư cách là người làm chứng. Sau khi cấp phúc thẩm đưa ông Hoàng Công L tham gia tố tụng thì ông Hoàng Công L đã cung cấp cho Tòa án Biên bản xác minh tranh chấp tại thực địa thể hiện các cây tranh chấp tại là cây Hôi trồng theo dự án PAM bị chặt 06 cây và cây hôi con trong năm 2018 bị nhổ đều nằm trong thửa đất số 58. Ngoài ra ông Hoàng Công L còn cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên được cấp năm 2011 là thửa đất 58 trong đó diện tích vượt so với diện tích cấp năm 1999, nhưng ông không có khiếu nại, điều này thể hiện ông thừa nhận diện tích tại thửa số 58 cùng sơ đồ thửa đất. Mặt khác tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Việc lập hồ sơ quản lý rừng và đất trồng rừng là theo phương pháp thủ công, không đo tọa độ nên không chính xác. Năm 2008 khi lập bản đồ địa chính đều do các hộ đưa đi dẫn đạc và đo bằng máy có tính tọa độ nên chính xác cao hơn, và khi cấp giấy chứng nhận đều thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định. Hơn nữa qua xem xét thẩm định lần hai, việc chồng ghép bản đồ và kết quả giám định khẳng định khi lập bản đồ bằng phương pháp thủ công do vậy kết quả giám định chỉ là tham khảo. Do vậy không có căn cứ khẳng định đất đang tranh chấp là nằm trong thửa đất do ông Hoàng Công L đang quản lý (theo bản đồ giao đất lâm nghiệp), nên cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Công L là người làm chứng là chính xác.

[3] Căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại hiện trạng đất tranh chấp và chồng ghép bản đồ của bị đơn ông Lương Xuân Ha. Ngày 27-5-2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định bản đồ đối với giám định viên của Sở T tỉnh Lạng Sơn để xác định diện tích đất tranh chấp tương ứng số thửa, số tờ bản đồ nào của các tờ bản đồ qua các thời kỳ.

[4] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27-5-2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lương Xuân H và bị đơn ông Lương Xuân Ha nhất trí thỏa thuận xác định ranh giới diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh Lương Xuân H không nhất trí với những nội dung thỏa thuận tại thực địa ngày 27-5-2020. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, áp dụng khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp của Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn và Kết luận giám định ngày 10-7-2020 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp bao gồm một phần diện tích 1356.5m² thuộc thửa 405 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị Th; một phần diện tích 2796.7m² thuộc thửa 406 đã được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Công L và một phần diện tích 105.0m² thuộc thửa 402 ông Lương Xuân Ha đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất trên đều thuộc Tờ bản đồ giao đất, giao rừng và các đương sự bà Lương Thị Th, ông Lương Xuân Ha và ông Hoàng Công L đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999. Tuy nhiên qua giám định do việc giao đất lâm nghiệp khoanh vẽ bằng hình thức thủ công nên độ chính xác không cao do vậy kết luận chỉ mang tính tham khảo, không mang tính quyết định.

[6] Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn cho rằng thời điểm được giao sổ Bìa đỏ thì diện tích được giao đến điểm H-I như trong sơ họa, gia đình vẫn quản lý rừng nhưng do điều kiện gia đình khó khăn nên một thời gian anh Lương Xuân H đi Miền Nam, bà Lương Thị Th ở nhà thì thường xuyên ốm đau, đi viện điều trị nên không lên rừng thường xuyên được, do đó đến năm 2017 - 2018 gia đình bị đơn đến phát rừng trồng cây, gia đình nguyên đơn không ai được biết. Nay nguyên đơn căn cứ vào sổ Bìa xanh, Bìa đỏ yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ đất tranh chấp là 4.258,3m² là không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân huyện B, thửa đất số 405, nay là thửa 59, diện tích tranh chấp 2.474m² thuộc thửa 59 mang tên Lương Xuân H. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đối với phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59. Tài sản trên đất thuộc thửa 59: Có 01 cây Trám trắng do anh Lương Xuân H trồng năm 1997 theo dự án Pam (BL 253), ngoài ra còn có 04 cây Sâu Sâu, 01 cây mạy Càng đường kính 20cm, các cây quy ra gỗ tạp là 03m³ các cây này là cây mọc tự nhiên không do ai trồng, toàn bộ số cây nêu trên đang tồn tại trên thửa đất 59, do vậy bà Lương Thị Th được quyền sở hữu. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Th đối với một phần diện tích 1.784,3 m² thuộc thửa 84.

[8] Xét yêu cầu của ông Lương Xuân Ha về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Th, thấy rằng: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lương Thị Th là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng nên không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu của anh Lương Văn Th: Quá trình giải quyết vụ án anh không có yêu cầu độc lập về đất tranh chấp, nhưng có tài sản riêng của anh Lương Văn Th trồng trên phần đất tranh chấp 510,5m² thuộc thửa 59 có 153 cây keo. Căn cứ văn bản số: 401/NN ngày 31/10/2019 của Phòng N, huyện B, thì đường kính gốc dưới 05cm, nhưng chiều cao trung bình là 1,2m đến trên 1,5m, do vậy di dời cây sẽ không đảm bảo sống và phát triển bình thường, do vậy buộc bà Lương Thị Th có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.224.000 đồng cho anh Lương Văn Th và bà Lương Thị Th được sở hữu 153 cây keo.

[10] Yêu cầu của bị đơn: Cho rằng diện tích đất đang tranh chấp hiện nay thuộc thửa 59 chính là diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại lô 402. Ông căn cứ vào mô tả trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng để yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân huyện B, thửa đất số 402, nay

là thửa 84. Do vậy ông Lương Xuân Ha được quản lý sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 84 là 1.784,3 m² là có căn cứ.

[11] Đối với tài sản trên đất là 535 cây keo xác định đây là tài sản của của anh Lương Văn Th trồng, ông Lương Xuân Ha không yêu cầu di dời cây, do đó anh Lương Văn Th không phải di dời.

[12] Ý kiến của những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn không yêu cầu độc lập và đều có yêu cầu giải quyết cho bà Lương Thị Th được quản lý sử dụng đất.

[13] Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lương Xuân Ha, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[14] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa ra là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[15] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tại cấp sơ thẩm, do các bên đương sự không thỏa thuận khác và yêu cầu của bà Lương Thị Th chỉ được chấp nhận một phần nên bà Lương Thị Th và ông Lương Xuân Ha cùng phải chịu chi phí tố tụng. Bà Lương Thị Th đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 5.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lương Xuân Ha phải hoàn trả cho bà Lương Thị Th 2.500.000 đồng là đúng. Tại cấp phúc thẩm, ông Lương Xuân Ha có yêu cầu Tòa án tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc bằng máy và trưng cầu giám định bản đồ hết tổng số tiền là 20.126.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do yêu cầu kháng cáo của ông Lương Xuân Ha không được chấp nhận nên ông Lương Xuân Ha phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm, xác nhận ông Lương Xuân Ha đã nộp đủ.

[16] Do kháng cáo của ông Lương Xuân Ha không được chấp nhận, nên ông Lương Xuân Ha phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông Lương Xuân Ha thuộc đối tượng được miễn án phí phúc thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 186, 190, 199, khoản 1 Điều 589, khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 96, các khoản 2 và 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 24, khoản 9 Điều 26, các khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 khoản 1 Điều 166, điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 21-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bà Lương Thị Th được quản lý sử dụng diện tích 2.474m² tại Hang H, Khe Kh, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 59 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H. Có các điểm A-B dài 41,59m; B-C dài 36,06m; C-D dài 8,25m; D-E' dài 23,26m; E'-T dài 54,99m; T-L dài 33,15m; L-M dài 29,68m; M-N dài 15,15m; N-O dài 70,24m. Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân Ha được quản lý sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị Th đang sử dụng. Tài sản trên đất: Bà Lương Thị Th được sở hữu 01 cây trám trắng; 03m³ gỗ tạp; 153 cây keo trồng trên diện tích 2.474m² và thanh toán giá trị cây cho anh Lương Văn Th với số tiền là 1.224.000 đồng. (Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo.)

Buộc ông Lương Xuân Ha chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất bà Lương Thị Th được quản lý, sử dụng nêu trên.

2. Ông Lương Xuân Ha được quản lý sử dụng diện tích là 1.784,3, tại Hang H, Khe Kh, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 84 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H, huyện B. Có các điểm I-K dài 23,13m; K-L dài 34,93m; L-T dài 33,15m; T-G dài 7,13m; H-I dài 73,10m; H-G dài 23,13m. Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân Ha đang sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị Th được quản lý sử dụng. Tài sản trên đất: Anh Lương Văn Th không phải di dời 535 cây keo trên thửa 84.

(Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo)

Buộc bà Lương Thị Th chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất của ông Lương Xuân Ha được quản lý, sử dụng nêu trên.

3. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Xuân Ha về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876226 số vào sổ cấp giấy số 0385 QSDĐ/LN ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Lương Thị Th đối với một phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà Lương Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2015/0000642 ngày 01/7/2019 của Chi cục T huyện B.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Tại cấp sơ thẩm: Bà Lương Thị Th và ông Lương Xuân Ha mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà Lương Thị Th đã tạm nộp trước 5.000.000 đồng. Buộc ông Lương Xuân Ha phải trả cho bà Lương Thị Th 2.500.000 đồng.

5.2. Tại cấp phúc thẩm: Ông Lương Xuân Ha phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc bằng máy, trưng cầu giám định bản đồ là 20.126.000 đồng, xác nhận ông Lương Xuân Ha đã nộp đủ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành thì phải chịu lãi xuất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có khác cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết hiệu lực kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CC T huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí